TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2020
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh.
Bà Phạm Thị Thu Trang.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 474/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị C và anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bản khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích C trình bày:

Chị và bị đơn là anh Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C vào ngày 17/10/2018. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến ngày 20/11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh H bất đồng quan điểm, anh H không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, lười lao động, không tôn trọng gia đình bên vợ nên chị và anh H ly thân từ ngày 24/11/2019 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh H có 01 người con chung tên là Nguyễn Phúc Bảo K, sinh ngày 27/12/2019, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng theo quy định pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị và anh H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị C cưới nhau vào năm 2018, hôn nhân do tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì chị C đơn phương nộp đơn ly hôn ở Tòa vì cho rằng tính tình không hợp nhau. Anh và chị C ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, anh đồng ý ly hôn. Anh và chị C có một người con chung tên là Nguyễn Phúc Bảo K, hiện đang sống với chị C. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị C nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho con vì ban đầu khi nộp đơn ly hôn, chị C khai không có con chung. Anh và chị C không có tài sản chung, nợ chung. Do chị C nộp đơn không thông qua anh nên anh không xuống Tòa để giải quyết. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh, anh không khiếu nại về sau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự (chị C, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt).

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích C về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H, chị C được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phúc Bảo K, sinh ngày 27/12/2019 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Văn H. Anh H cư trú tại ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị C và anh Hcó đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị C và anh H thì giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 11, 12 năm 2019, anh chị không chung sống với nhau cho đến nay. Với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C, anh H đồng ý ly hôn.

Xét thấy, giữa chị C và anh H không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C để giải quyết cho chị C được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Theo hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thì chị C với anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Phúc Bảo K, sinh ngày 27/12/2019. Hiện cháu K dưới 36 tháng tuổi và đang sống với chị C. Theo yêu cầu của chị C, anh H đồng ý giao con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì chị C có quyền yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K.

Căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy nhằm đảm bảo cho các nhu cầu thiết yếu của cháu K, nên việc chị C yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo quy định mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Như vậy, căn cứ theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì mức lương tối thiểu là 1.490.000 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) nên anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K với mức cấp dưỡng hàng tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận việc chị C và anh H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bích C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C. Chị Nguyễn Thị Bích C được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc Bảo K, sinh ngày 27/12/2019 cho chị Nguyễn Thị Bích C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phúc Bảo K với mức cấp dưỡng hàng tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị C.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Chị C có quyền yêu cầu anh H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Bích C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tam ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010113 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã C, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền